

Bản án số: 34/2019/HS-ST
Ngày 09/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Hải

Ông Lê Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án TAND huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

Ông Cao Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn Qu, sinh ngày 01/01/1977 tại xã S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn X, xã S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 04/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Lê Văn Ch (đã chết) và bà Lê Thị B, sinh năm 1948; có vợ là Lê Thị H, sinh năm 1979 và 04 con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2010; Tiền án: không; Tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/01/2019 đến ngày 03/02/2019. Có mặt.

2. Đỗ Đức T1, sinh ngày 19/5/1987 tại xã S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn X, xã S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông Đỗ Xuân D, sinh năm 1949 và bà Vũ Thị Th, sinh năm 1949; có vợ là Phạm Thị Nh, sinh năm 1996, chưa có con; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/01/2019 đến ngày 03/02/2019; Có mặt.

3. Đỗ Đức Th1, sinh ngày 09/10/1984 tại xã S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn X, xã S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt nam; con ông Đỗ Xuân H, sinh năm

1944 và bà Trần Thị S, sinh năm 1954; có vợ là Lê Thị Th, sinh năm 1985 và 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/01/2019 đến 03/02/2019; có mặt.

4. Phan Đức Th2, sinh ngày 01/10/1989 tại huyện Ngh, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: thôn Ph, xã K, huyện H, TP. Đà Nẵng; Nghề nghiệp: lái xe máy đào; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt nam; con ông Phan Văn Th, sinh năm 1959 và bà Lê Thị L, sinh năm 1964; có vợ là Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1990 và 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/01/2019 đến ngày 03/02/2019. Có mặt.

5. Lê Anh T2, sinh ngày 02/6/1981 tại xã S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn X, xã S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt nam; con ông Lê Văn H (đã chết) và bà Bùi Thị Th, sinh năm 1957; có vợ là Trương Thị H, sinh năm 1989 và 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/01/2019 đến ngày 03/02/2019. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 30/01/2019, Lê Văn Qu đang ở nhà thì có Phan Đức Th2 Đỗ Đức Th1 đến chơi uống nước, sau đó rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh “liêng”, đóng nước 20.000 đồng. Chiều đã chải sẵn từ trước, Th1 là người đi mua bài. Đến 21 giờ 45 phút, Đỗ Đức T1 và Lê Anh T2 đến và tham gia đánh bạc cùng mọi người và cả nhóm thống nhất đóng nước lên 50.000 đồng. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, khi cả nhóm gồm Qu, Th2, Th1, T1 và T2 đang sát phạt nhau thì bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H phối hợp cùng Ban công an xã S bắt quả tang, thu giữ tại chỗ bộ bài tú lơ khơ 52 cây và số tiền 17.050.000 đồng. Khi đánh bạc, Đỗ Đức T1 có số tiền đánh bạc là 5.100.000 đồng, Đỗ Đức Th1 có số tiền đánh bạc là 4.700.000 đồng; Phan Đức Th2 có số tiền đánh bạc là 3.500.000 đồng; Lê Văn Qu có số tiền đánh bạc là 2.900.000 đồng; Lê Anh T2 có số tiền đánh bạc là 300.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên phù hợp với tài liệu chứng cứ và lời khai của người làm chứng có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 35/CT-VKSHH ngày 11/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa truy tố các bị cáo Lê Văn Qu, Đỗ Đức T1, Đỗ Đức Th1, Phan Đức Th2, Lê Anh T2 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên

quyết định truy tố đối với các bị cáo.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự; Đề nghị:

Xử phạt các bị cáo Lê Văn Qu từ 12 - 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 – 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Xử phạt bị cáo Đỗ Đức T1 từ 09 - 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 – 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Đỗ Đức Th1 từ 09 - 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 – 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Phan Đức Th2 từ 06 - 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 - 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Anh T2 từ 06 – 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 - 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Do bị cáo Lê Văn Qu thuộc hộ cận nghèo, các bị cáo T1, Th1, Th2 và T2 gia đình có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy bộ bài tú lơ khơ 52 cây và tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 17.050.000 đồng là tiền dùng vào việc phạm tội hiện đều đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo Lê Văn Qu do thuộc diện được miễn án phí.

Tại lời nói sau cùng, tất cả các bị cáo đều có ý kiến xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với hành vi của các bị cáo Đỗ Đức T1, Đỗ Đức Th1, Phan Văn Th2, Lê Văn Qu và Lê Anh T2 là người có năng lực hành vi dân sự, thực hiện hành vi đánh bạc dưới

hình thức “liêng” với số tiền đánh bạc là 17.050.000 đồng (mười bảy triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó bị cáo Đỗ Đức T1 có số tiền 5.100.000 đồng, Đỗ Đức Th1 có số tiền 4.700.000 đồng, Phan Văn Th2 có số tiền 3.500.000 đồng, Lê Văn Qu có số tiền 2.900.000 đồng và Lê Anh T2 có số tiền 300.000 đồng. Vì vậy, hành vi của các bị cáo Lê Văn Qu, Đỗ Đức T1, Đỗ Đức Th1, Phan Đức Th2, Lê Anh T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, là một tệ nạn xã hội bị pháp luật nghiêm cấm, hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội. Đây là vụ án đánh bạc có số đông bị cáo tham gia, số tiền phạm tội lớn, gây mất trật tự trị an trong khu vực. Do đó phải xử lý nghiêm, có hình phạt phù hợp nhằm giáo dục các bị cáo và giáo dục chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo và đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bố bị cáo Đỗ Đức T1 là Đỗ Xuân D có giấy xác nhận đã tham gia kháng chiến và bị nhiễm chất độc màu da cam; bố bị cáo Lê Văn Qu là ông Lê Văn Ch có Huân chương kháng chiến hạng ba, bố bị cáo Đỗ Đức Th1 là ông Đỗ Xuân H là thương binh nên các bị cáo T1, Th1 và Qu được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trong vụ án các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc, phân công, tổ chức, tuy nhiên cần phân hóa vai trò của từng bị cáo trong vụ án về hành vi Đánh bạc để có mức hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo.

Bị cáo Lê Văn Qu đã đồng ý cho các bị cáo đánh bạc tại nhà của mình, đồng thời cùng tham gia đánh bạc với các bị cáo khác, vì vậy bị cáo Qu giữ vai trò đầu của vụ án và phải chịu mức hình phạt cao nhất.

Bị cáo Đỗ Đức T1 tham gia đánh bạc với số tiền lớn, bị cáo Đỗ Đức Th1 tích cực đi mua bài, vì vậy hai bị cáo giữ vai trò ngang nhau trong vụ án và phải chịu mức hình phạt tương đương.

Bị cáo Phan Đức Th2 vào tham gia đánh bạc với số tiền đánh bạc ít hơn, vì vậy phải chịu mức hình phạt thấp hơn. Bị cáo Lê Anh T2 có số tiền đánh bạc ít nhất, thời gian đánh bạc ngắn nên chịu mức hình phạt thấp nhất.

Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhận thấy hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã

hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, vì động cơ vụ lợi các bị cáo đã sát phạt lẫn nhau, đây là nguyên nhân gây ảnh hưởng đến kinh tế và mâu thuẫn gia đình. Tuy nhiên các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018. Vì vậy Hội đồng xét xử cân nhắc và nhận thấy không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ răn đe, giáo dục đối với các bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Lê Văn Qu thuộc diện hộ cận nghèo, các bị cáo Đỗ Đức T1, Đỗ Đức Th1, Phan Đức Th1 và Lê Anh T2 đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy bộ bài tú lơ khơ 52 cây và tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 17.050.000 đồng là số tiền dùng vào việc phạm tội. Tất cả vật chứng đều đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Về án phí: Vì bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Qu, Đỗ Đức T1, Đỗ Đức Th1, Phan Đức Th2 và Lê Anh T2 phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Văn Qu 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Đỗ Đức Toàn 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Đỗ Đức Th1 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Đức Th2 8 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lê Anh T2 6 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách giao các bị cáo Lê Văn Qu, Đỗ Đức T1, Đỗ Đức Th1, Lê Anh T2 cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, giao bị cáo Phan Đức Th2 cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, thành phố Đà Nẵng để giám sát giáo dục. Trường hợp người được

hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Lê Văn Qu, Đỗ Đức T1, Đỗ Đức Th1, Phan Đức Th2 và Lê Anh T2 cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy bộ bài tú lơ khơ 52 cây đã qua sử dụng theo biên bản giao nhận vật chứng số 45/BBGN ngày 23/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H;

- Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 17.050.000 đồng (mười bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) đang lưu giữ trong tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo ủy nhiệm chi lập ngày 21/4/2019 do đơn vị chuyển là Công an huyện H tài khoản 3949.0.9013481 đến đơn vị nhận tiền là Chi cục Thi hành án dân sự huyện H tài khoản 3949.0.1053935.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, 21, 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo Đỗ Đức T1, Đỗ Đức Th1, Phan Đức Th2 và Lê Anh T2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Văn Qu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND h.H;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS h.H;
- Công an h.H;
- Các bị cáo;
- UBND xã S, h. H;
- UBND xã K, h. V, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Tú

